TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG
Bản án số: 08/2021/ HNGĐ - ST
Ngày: 30 – 6 - 2021
V/v: *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Thủy.

2. Bà Nguyễn Thị Trung Lan

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Huề - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021. Tại Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 23/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2020 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐST - HNGĐ ngày 30/06/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn 1, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Thôn 1, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. " Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2021 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T sống chung với nhau từ ngày 01/01/1989 tại xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống của bà N và ông T thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên khoảng từ năm 2019 đến nay bà N và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên hay xảy ra va chạm cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục. Nay bà N nhận thấy không còn tình

cảm với ông T nên bà N đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Thị H – Sinh ngày 16/11/1989 và Nguyễn Văn L – Sinh ngày 15/01/1993. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), đủ khả năng nuôi sống bản thân nên bà N không yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày tại bản tự khai ngày 01/4/2021 như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T xác nhận lời trình bày của bà Nguyễn Thị N về thời điểm chung sống, diễn biến quá trình sống chung với nhau và mâu thẫn như bà N trình bày là đúng. Thời gian chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn cãi vã kéo dài. Hiện nay ông T và bà N đang sống ly thân và không quan tâm đến nhau, ông T xác nhận không còn tình cảm với bà N. Do vậy, việc bà N đề nghị Tòa án Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông và bà N là vợ chồng thì ý kiến của ông đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật

Về con chung: Ông Nguyễn Văn T đồng ý với nội dung mà bà N trình bày giữa ông T và bà N có 02 con chung, hiện các con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên ông không yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay: Các đương sự vẫn giữ yêu cầu và ý kiến như trong đơn và hồ sơ thể hiện.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và nội dung vụ án như sau:

+ Thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

+ Nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà N đề ngày 24/02/2021. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Văn T; Về con chung: Các con của bà N đã thành niên và tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét; Tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết; Án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kiến nghị của các đương sự và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện tranh chấp Hôn nhân gia đình về việc yêu cầu Tòa án Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T cùng địa chỉ tại Thôn 1, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nên đây là vụ án tranh chấp " Không công nhận quan hệ vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Qua kết quả xác minh trên thực tế ngày 09/6/2021 bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 01/01/1989 không đăng ký kết hôn. Việc bà N và ông T sống chung với nhau như vợ như chồng nhưng không thực hiện các quy định pháp luật về đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân gia đình tại cơ quan chức năng là vi phạm pháp luật hôn nhân gia đình. Nhận thấy đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T để hai người sớm ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Thị H – Sinh ngày 16/11/1989 và Nguyễn Văn L – Sinh ngày 15/01/1993. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) đủ khả năng tự nuôi sống bản thân, bà N, ông T không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung: Bà N và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung: Bà N và ông T không nợ ai.

[3] Án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 150 Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật nhân gia đình năm 2000; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đề ngày 24/02/2021 Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2.Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0002033 ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo nội dung bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Thi hành án;*
- *Lưu.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Thủy **Nguyễn Thị Trung Lan** **Nguyễn Thị Mỹ Diễm**